TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày 30-5-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH.

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Bình;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xóm 4, xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Đức A, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Xóm 4, xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA: Bà Trần Thị Ph

Địa chỉ: Xóm 4, xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông A, bà Ph vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 8 năm 2017 và bản tự khai, Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ là người cùng xóm, ông A có làm đầm nuôi tôm nên ngày 16 tháng 9 năm 2015, ông A có vay tiền của chị T để mua máy làm đầm nuôi tôm. Ông A vay tiền chị T nhiều lần nhưng đã trả được một phần. Mỗi lần ông A vay tiền, bà Ph vợ ông A đều gọi điện cho chị T nói cho ông A vay tiền. Đến ngày

28-02-2017 ông A có viết giấy biên nhận công nhận còn nợ số tiền gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), ông A hẹn đến ngày 30-5-2017 sẽ thanh toán trả hết số nợ cho chị T. Đến hẹn chị T có gặp ông A nhiều lần để đòi nợ nhưng ông A vẫn không trả. Vì vậy chị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H buộc ông A phải trả số tiền nợ gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30-5-2017 (âm lịch) theo lãi suất của ngân hàng Nhà nước.

Bị đơn ông Đoàn Đức A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A, bà Ph đều vắng mặt. Tại bản tự khai gửi cho Tòa, ông Đoàn Đức A trình bày: Ông A công nhận do cần vốn làm ăn nên ông A có vay tiền của chị T khoảng 7 đến 8 lần với tổng số tiền là 110.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau và mức lãi suất không cố định. Khoảng giữa năm 2017 chị T cũng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện H để đòi nợ. Khi làm việc tại Tòa, ông A đã thanh toán trả cho chị T số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) còn nợ lại 50.000.000đ nên chị T đã rút đơn khởi kiện. Số tiền còn nợ hai bên thỏa thuận đến cuối năm 2017 ông A sẽ trả hết nhưng do làm ăn thua lỗ nên ông A chưa trả được. Nay ông A đề nghị xin trả chị T làm hai kỳ, cuối tháng 5/2018 trả 30.000.000đ (ba mươi triệu); cuối năm 2018 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu). Còn tiền lãi hai bên tính cụ thể và thanh toán vào cuối năm 2018. Bà Trần Thị Ph không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị T xin vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T vẫn giữ nguyên ý kiến như tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Ông A, bà Ph vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; ông Đoàn Đức A, bà Đoàn Thị Ph đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị T, ông A, bà Ph theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án thì thấy: Chị Trần Thị T yêu cầu ông Đoàn Đức A trả số tiền nợ gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và tính lãi suất theo ngân hàng Nhà nước từ ngày 30-5-2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông A có bản tự khai công nhận có vay tiền của chị T nhiều lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng và đã trả được 60.000.000 đồng, còn nợ là 50.000.000 đồng. Như vậy giữa lời khai của chị T và ông A có sự khác nhau, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông A và bà Ph đến tòa để giải quyết, làm rõ nhưng ông A, bà Ph không đến và cũng không cung cấp, chứng cứ chứng minh gì khác. Tại "Giấy biên nhận nợ" ngày 28-02-2017 do ông A viết thể hiện: Ông A còn nợ chị T số tiền là 55.000.000 đồng và ông A hẹn đến ngày 30-5-2017 (âm lịch) ông A sẽ trả. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 55.000.000 đồng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị T có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà Trần Thị Ph không cùng ông A tham gia vay nợ của chị T nên bà Ph không có trách nhiệm phải thanh toán trả nợ cho chị T.

[3] Về lãi suất: Chị Trần Thị T yêu cầu bị đơn trả lãi tính từ ngày 30-5-2017 (âm lịch) tức ngày 24-6-2017 cho đến khi Tòa án xét xử là ngày 30-5-2018 theo lãi suất ngân hàng Nhà nước. Xét thấy "Giấy biên nhận nợ" do chị T cung cấp làm chứng cứ không có nội dung thỏa thuận lãi, chị T yêu cầu tính lãi từ ngày phát sinh tranh chấp là ngày 24-6-2017. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận tính lãi trên nợ gốc từ ngày 24-6-2017 đến ngày xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 466 cụ thể:

Từ ngày 24-6-2017 đến ngày 30-5-2018 là 11 tháng 6 ngày: 55.000.000đ x 0,833% = 5.129.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Đoàn Đức A phải trả cho chị Trần Thị T là 60.129.000đ (sáu mươi triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Về án phí: Do yêu cầu của chị Trần Thị T được chấp nhận nên cần buộc ông Đoàn Đức A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Đoàn Đức A là hợp pháp.

2. Buộc ông Đoàn Đức A phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho chị Trần Thị T số tiền vay gốc 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng) và 5.129.000đ tiền lãi. Tổng cộng 60.129.000đ (sáu mươi triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

3. Án phí: Buộc ông Đoàn Đức A phải nộp 3.006.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự: 2 bản;
- TAD tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện H: 1 bản;
- UBND xã HP: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP: 1 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Lại Văn Tùng